TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH HÓA
TỈNH TN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12/4/2023
"Về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Thiện Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tâm;

2. Bà Nông Thị Quyên.

- Thư ký phiên toà*:* Bà Hà Thị Diễm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh TN tham gia phiên tòa*:* Ông Bùi Đức Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh TN, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXX-ST ngày 09 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lành Thị L, sinh năm: 1991

Nơi ĐKHKTT: Xóm TT, xã TĐ, huyện Định Hóa, tỉnh TN.

Nơi ở hiện nay: Thôn TT, xã AS, huyện Văn Quan, tỉnh LS.

(Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Công T, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Xóm TT, xã TĐ, huyện Định Hóa, tỉnh TN.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lành Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Công T kết hôn với nhau vào ngày 09/5/2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện Định Hóa, tỉnh TN. Trước khi kết

hôn anh, chị được tự nguyện tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình đồng ý và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn chị về nhà anh T làm dâu ngay và chung sống cùng gia đình chồng. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là trong ăn ở sinh hoạt gia đình và cách nuôi dạy con cái, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh T mải chơi không chịu làm ăn, thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu, đánh lô đề tuy nhiên việc đánh lô đề của anh T chị không có tài liệu chứng cứ chứng minh, chị cũng như gia đình hai bên đều khuyên bảo nhưng anh T không nghe nên vợ chồng đã liên tục sảy ra cãi vã, súc phạm nhau và đã sảy ra xô sát nhiều lần, sống không hạnh phúc. Tháng 6/2020 chị đi xuất khẩu lao động bên Đài Loan đến tháng 11/2022 chị về nước, chị về nhà bố mẹ đẻ ở, không về nhà chồng, tuy nhiên thì vợ chồng đã ly thân từ năm 2016, ở chung nhà nhưng không chuyện trò, quan tâm gì đến nhau, trong thời gian chị đi xuất khẩu lao động vợ chồng cũng không gọi điện cho nhau lần nào, chị gọi điện về cho con cũng chỉ gọi qua số điện thoại của mẹ chồng. Anh T đồng ý ly hôn tuy nhiên không đến Tòa án để giải quyết vụ án là gây khó khăn cho chị còn thực tế cũng không còn tình cảm gì với chị. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị cương quyết xin ly hôn anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Công Đăng, sinh ngày 05/5/2012, hiện nay đang học tại trường Tiểu học TĐ, anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn chị đồng để cho anh T được trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Công Đăng, sinh ngày 05/5/2012 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được.

- Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Về phía bị đơn anh Nguyễn Công T:*

Tại phiên tòa ngày hôm nay anh T vắng mặt, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành làm việc lấy lời khai của anh. Tại biên bản lấy lời khai anh T xác định: Về thời gian tổ chức lễ cưới, quá trình chung sống, thời gian sống ly thân như chị L trình bày là đúng, anh không có gì phải bổ sung thêm. Anh T xác định vợ chồng tổ chức lễ cưới vào ngày 09/5/2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện Định Hóa, tỉnh TN. Trước khi kết hôn anh, chị được tự nguyện tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình đồng ý và có

tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn chị L về nhà anh làm dâu ngay và chung sống cùng gia đình nhà chồng. Trong quá trình chung sống vợ chồng có thời gian hòa thuận hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, vợ chồng cãi vã chỉ lời qua tiếng lại vài lời xong thôi, chưa sảy ra xô sát lần nào, anh T cho rằng vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn tuy nhiên nếu chị L cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý vì đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, từ khi ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L cương quyết xin ly hôn anh nhất trí, tuy nhiên anh sẽ không đến Tòa án làm việc, anh tùy Tòa án xem xét giải quyết.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Công Đăng, sinh ngày 05/5/2012, hiện nay đang học tại trường Tiểu học TĐ, anh đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn anh xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Công Đăng, sinh ngày 05/5/2012 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được và không yêu cầu chị L phải đóng cấp dưỡng nuôi con. Tuy anh không đến Tòa án để làm việc nhưng anh xác định kể ngày chị L đi làm xuất khẩu lao động xa nhà thì con chung hoàn toàn là do anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Do vậy, anh cương quyết xin được nuôi con chung.

- Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trước khi chuyển sang phần nghị án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án.

Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn anh Nguyễn Công T từ khi bị khởi kiện về việc ly hôn đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt, niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp, cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án hợp lệ nhưng đều

vắng không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Định Hóa xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị L được ly hôn anh T. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Công Đăng, sinh ngày 05/5/2012 cho anh T trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị L; Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Không có, vì vậy, không đặt ra xem xét, giải quyết; Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định của pháp luật, tiến hành hòa giải vợ chồng về đoàn tụ nhưng không tiến hành hòa giải được do anh T không đến Tòa làm việc. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con mà bị đơn cư trú tại xóm TT, xã TĐ, huyện Định Hóa, tỉnh TN. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh TN theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự, xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay có sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L nhận thấy rằng: Sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian hòa thuận, hạnh phúc, sau đó bắt đầu sảy ra mâu thuẫn trong ăn, ở sinh hoạt hàng ngày, đến năm 2016 mâu thuẫn trầm trọng, luôn xảy ra cãi nhau, không có tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2016 cho đến nay và không quan tâm tâm gì đến nhau. Chị L cho rằng do anh T không quan tâm đến chị, con cái và gia đình, không biết làm ăn lại thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên chửi mắng, súc phạm nhau, chị góp ý nhưng anh T không nghe. Anh T

cho rằng vợ chồng bất đồng về quan điểm sống trong ăn ở sinh hoạt, nuôi dạy con cái. Từ khi chị L đi xuất khẩu lao động xa nhà thì không quan tâm đến chồng con. Như vậy, cho thấy giữa hai vợ chồng đã không tìm được tiếng nói chung, ai cũng đi tìm công việc, cuộc sống riêng cho mình, ai cũng có lý do và đổ lỗi cho nhau về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, dẫn đến việc chị L xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh T, tuy nhiên anh không ký vào biên bản lấy lời khai, mặc dù Tòa án đã ghi đầy đủ, đúng với lời trình bày của anh. Tòa án cũng đã giải thích quyền, nghĩa vụ của đương sự cho anh T nghe, anh T xác định hiểu, tuy nhiên anh cương quyết không ký vào biên bản lấy lời và cũng không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã tiến hành lập biên bản sự việc và được chính quyền địa phương xác nhận.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng anh T không đến Tòa án, đã giành nhiều thời gian cho vợ chồng để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay chị L cương quyết xin được ly hôn anh T. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ, đúng thực tế. Căn cứ Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu xin ly hôn của chị L cần được chấp nhận.

[3]. Về yêu cầu xin nuôi con chung của anh T xét thấy: Chị L, anh T có một con chung là Nguyễn Công Đăng, sinh ngày 05/5/2012. Quá trình giải quyết vụ án anh T không đến Tòa án làm việc nhưng tại biên bản lấy lời khai anh xác định con chung là Nguyễn Công Đăng, sinh ngày 05/5/2012, kể từ khi chị L đi xuất khẩu lao động xa nhà cho đến nay thì con hoàn toàn là do anh chăm sóc, nuôi dưỡng, hiện đang ở cùng anh. Xét thấy anh T có nơi ở, có việc làm, có thu nhập ổn định. Việc giao cháu Đăng cho anh T được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục phù hợp với nguyện vọng của anh T và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Đăng, đảm bảo quyền, lợi ích về mọi mặt của cháu Đăng. Vì vậy, nguyên vọng xin được nuôi con của anh Đăng là
phù hợp với thực tế, cần được chấp nhận.

[4]. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Tòa án đã giải thích đây là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ nhưng anh T tự nguyện không yêu cầu chị L phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Chị L, anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy, không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6]. Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị L, anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 9; Điều 51, Điều 53; Điều 56, Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

T xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lành Thị L được ly hôn anh Nguyễn Công T.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Công T, được trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Công Đăng, sinh ngày 05/5/2012 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Chị L có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Lành Thị L, do anh Nguyễn Công T tự nguyện không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Chị Lành Thị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị Lành Thị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lành Thị L phải chịu 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004675 ngày 28/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Hóa. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày T án. Vắng mặt bị đơn tại phiên tòa báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh TN;
- VKSND huyện Đ (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Định Hóa;
- UBND xã TĐ;
- Các đương sự;
- L Hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thiện Hoàng